

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2017/HNGĐ-ST

Ngày 15-11-2017

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 155/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1963/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H; sinh năm 1972; cư trú tại: A, CHLB Đức; tạm trú tại: Số 91 N, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông D, sinh năm 1969; nơi cư trú: A, CHLB Đức. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn của nguyên đơn và bị đơn và các bản tự khai hai bên trình bày: Bà H và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 3 năm 2007. Sau khi kết hôn ông D trở về Đức để làm thủ tục bảo lãnh cho bà H, đến năm 2009 bà H được bảo lãnh sang Đức. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2013 ông D và bà H đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn ông D và bà H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

- Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H và ông D đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn”, ông D đang cư trú tại CHLB Đức, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và việc xét xử vắng mặt ông D và bà H theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 3 năm 2007, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Bà H và ông D chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2013 ông D và bà H đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay hai bên đều đề nghị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa bà H và ông D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà H và ông D được ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung và tài sản chung: Ông D và bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo bà H và ông D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn ông D.
2. Về con chung, tài sản chung: Ông D và bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0003977 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà H đã nộp đủ án phí.
4. Về quyền kháng cáo:
Ông D và bà H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy